TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **281/**2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 17/7/2024.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Phương;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm M Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp TH, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp QP, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị T1 có đơn đề nghị vắng mặt, anh T2 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T1 trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T2 tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T2 có tình cảm với người khác, không quan tâm chăm sóc gia đình. Anh chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành công nên không còn sống chung từ tháng 01/2024. Nay không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Trần Bảo M, sinh ngày 13/9/2018 và Đỗ Trần Gia H, sinh ngày 29/6/2022 hiện đang sống với chị T1. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2024 chị yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Văn T2 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ T1 về việc xin ly hôn, nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T1 yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn T2 nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T2 cư trú tại ấp QP, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11/6/2024, bị đơn anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T1 và anh T2.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 cưới nhau năm 2017, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T1 xin ly hôn với anh T2 với lý do anh T2 có tình cảm với người khác, không quan tâm chăm sóc gia đình. Anh chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được nên anh chị không còn sống chung

từ tháng 01/2024 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh T2 nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T1, cho thấy anh T2 không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa hai người. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi 02 con chung Đỗ Trần Bảo M, sinh ngày 13/9/2018 và Đỗ Trần Gia H, sinh ngày 29/6/2022 của chị T1 là có cơ sở, bởi lẽ hai cháu đang sống với chị T1 đã ổn định về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt. Anh T2 không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu M và H cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2024 chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu. Anh T2 không có văn bản trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu là phù hợp với nhu cầu thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T2 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 227, Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ T1.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T1 được ly hôn với anh Đỗ Văn T2.

Về con chung: Giao cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Trần Bảo M, sinh ngày 13/9/2018 và Đỗ Trần Gia H, sinh ngày 29/6/2022 cho đến khi cháu M và cháu Hân đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M và cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T2 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0007484 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị đã nộp xong.

Anh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thủy Uyên

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.